

Số: 2227/2016/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về Giá
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ và các văn bản có liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 777/TTr-STC-QLCSGC ngày 04/3/2016, đề nghị ban hành các Quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

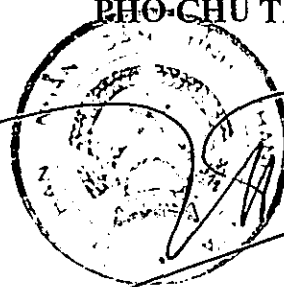
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lth*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Ban PC, Ban KTNS HĐND tỉnh;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Đài PT&TH tỉnh, Báo Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTC (HungYT).
- QDCD 16-006

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



lth
Lê Thị Thìn

QUY ĐỊNH

Quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2224/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; thẩm định giá; niêm yết giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; các cơ quan quản lý Nhà nước; tổ chức cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý giá

1. Thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật Giá để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Thực hiện theo quy định của Luật Giá về nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

Điều 3. Nội dung quản lý Nhà nước về giá

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp, quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ

quản lý chuyên ngành; tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

3. Định giá hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; thẩm định giá tài sản của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được pháp luật quy định.

4. Điều chỉnh giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân theo Luật Giá và theo phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá của Chính phủ.

5. Tổ chức hiệp thương giá theo đề nghị của bên mua, bên bán khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký kết hợp đồng đối với những hàng hóa, dịch vụ quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

6. Hướng dẫn thực hiện đăng ký và kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

7. Tổ chức công tác thẩm định giá tài sản.

8. Kiểm tra yếu tố hình thành giá.

9. Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá tại địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

10. Tổ chức theo dõi thông tin và báo cáo diễn biến giá cả thị trường.

11. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **BÌNH ỔN GIÁ**

Điều 4. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 15 của Luật Giá tại Thanh Hóa bao gồm:

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu diezen, dầu mazut;

2. Điện bán lẻ;

3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

4. Phân đạm urê; phân NPK;

5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

Bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, cụ thể như sau:

1. Khi giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ có biến động bất thường xảy ra trong các trường hợp sau:

a) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá được tính theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương pháp tính giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng hoặc giảm bất hợp lý trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, địch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời;

2. Khi mặt bằng giá biến động làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện biện pháp bình ổn giá theo quy định của Luật Giá, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 7. Phân công trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

d) Báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan khác có liên quan:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công.

b) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

c) Chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bình ổn giá, quản lý Nhà nước về giá.

c) Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài chính, sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.

Điều 8. Đăng ký giá

Trong thời gian Nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại Điều 4 Quy định này thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính như sau:

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với toàn bộ hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 4 Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo các tổ chức thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo quy định.

2. Sở Công thương:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 8 Điều 4 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 8 Điều 4 Quy định này.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại Điểm a Khoản này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách và tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại Khoản 5, 6, 7, 9 và Khoản 10 Điều 4 Quy định này.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại Điểm a Khoản này.

4. Sở Y tế:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, đồng thời thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá quy định tại Khoản 11 Điều 4 Quy định này.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện đăng ký giá theo phân công tại Điểm a Khoản này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Trong thời gian Nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 Quy định này.

b) Thông báo danh sách cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức theo dõi và báo cáo tình hình giá cả thị trường tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp và cung cấp danh sách các tổ chức đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Điều 4 Quy định này về Sở Tài chính để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và thông báo theo quy định.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa:

Phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng chuyên trang, chuyên mục để thông báo các biện pháp, chính sách của Nhà nước đối với công tác quản lý giá theo quy định.

8. Cục Hải quan Thanh Hóa:

Định kỳ hàng tháng và khi có yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thực hiện bình ổn giá, Cục Hải quan Thanh Hóa có trách nhiệm gửi bản thống kê giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu về Sở Tài chính tổng hợp báo cáo giá theo quy định.

9. Đối tượng thực hiện đăng ký giá bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,

thành phố sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

10. Biểu mẫu đăng ký giá:

Biểu mẫu đăng ký giá theo mẫu quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Mục 2 ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. Cụ thể như sau:

- a) Giá các loại đất;
- b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- đ) Giá nước sạch sinh hoạt;
- e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
- g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- h) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh;
- i) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương;
- k) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;
- l) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Giá bồi thường hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất;
3. Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất;
4. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô;
5. Giá tối thiểu tính thuế tài nguyên khoáng sản.

Điều 10. Phân công trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê mặt nước; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền một lần; giá trị quyền sử dụng đất thuê để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa mà doanh nghiệp cổ phần hóa lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách của địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Giá nước sạch sinh hoạt tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn;

- Giá dịch vụ xe ra, vào bến;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

- Giá tối thiểu tính thuế tài nguyên.

b) Thẩm định phương án giá của các sở, ngành, cơ quan và các đơn vị có liên quan lập đề đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều này; riêng đối với việc thẩm định giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá sau khi được Sở Tài chính thẩm định; cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá cây trồng để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

b) Sở Xây dựng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và tài sản khác khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá đất cụ thể đối với thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên (theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất) để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;

- Giá tối thiểu tính thuế tài nguyên khoáng sản; giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các loại giá khác theo quy định.

d) Sở Y tế xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu của các sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Điều chỉnh giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống phải kịp thời điều chỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 9 Quy định này. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá, phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công trách nhiệm quy định tại Điều 10 Quy định này để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá.

Mục 3 HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 12. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật Giá, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 13. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa.

Mục 4

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 14. Trường hợp Nhà nước thực hiện thẩm định giá

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản theo yêu cầu hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao, mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản Nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá đối với tài sản Nhà nước trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản Nhà nước đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá tham gia, trừ trường hợp đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật về danh mục bí mật Nhà nước;

4. Mua tài sản Nhà nước có giá trị lớn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, tùy từng trường hợp cụ thể và xét thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 15. Phân công trách nhiệm thẩm định giá

1. Lãnh đạo Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 14 Quy định này (thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 14 Quy định này (thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố).

3. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước là Chủ tịch Hội đồng.

4. Các thành viên khác của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điểm b và c Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Mục 5

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 16. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 26 Luật Giá, cụ thể như sau:

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá;
- b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

- a) Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá;
- b) Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;
- c) Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 17. Phân công trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 4 Quy định này; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 9 Quy định này và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 6

THANH TRA GIÁ

Điều 18. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Mục 7 **KÊ KHAI GIÁ**

Điều 19. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;
 2. Xi măng, thép xây dựng;
 3. Than;
 4. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
 5. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;
 6. Giá dịch vụ tại cảng biển, giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay;
 7. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
 8. Sách giáo khoa;
 9. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;
 10. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;
 11. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi; cước vận tải vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định;
 12. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
 13. Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này.

Điều 20. Phân công trách nhiệm thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính:
 - a) Chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 19 Quy định này.
 - b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh kê khai giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 19 Quy định này.
 - c) Tổ chức, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 19 Quy định này.

2. Sở Công thương:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ sau:

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 8 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa quy định tại Khoản 3, 5 và 8 Điều 19 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ theo phân công tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Khoản 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa quy định tại Khoản 4 Điều 19 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

4. Sở Y tế:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với:

- Hàng hóa, dịch vụ theo phân công tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Khoản 11 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 10 và 12 Điều 19 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

5. Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 6, 7, 9, và 11 Điều 19 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

6. Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều 19 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo phân công tại Điểm a Khoản 6 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp và cung cấp danh sách các tổ chức đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá về Sở Tài chính để tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và thông báo theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 8, 10, 11, 12, 13 và 14 Điều 19 Quy định này.

b) Thông báo danh sách các cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá trên địa bàn theo phân công tại Điểm a Khoản 9 Điều này.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

9. Đối tượng thực hiện kê khai giá bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

Mục 8 NIÊM YẾT GIÁ

Điều 21. Nguyên tắc, địa điểm, cách thức thực hiện niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được bán cao hơn hoặc mua thấp hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Mục 9 **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ**

Điều 22. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương III **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIÁ**

Điều 23. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Giá.

2. Các tổ chức sản xuất, kinh doanh lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ có liên quan thuộc danh mục Nhà nước định giá nêu tại Điều 9 Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan chủ quản và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá có trách nhiệm đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá theo quy định.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện pháp luật về giá và Quy định này sẽ được khen thưởng theo pháp luật về thi đua, khen thưởng và các quy định hiện hành có liên quan; nếu có hành vi vi phạm pháp luật về giá, vi phạm quy định này và các quy định khác có liên quan sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Điều khoản thi hành

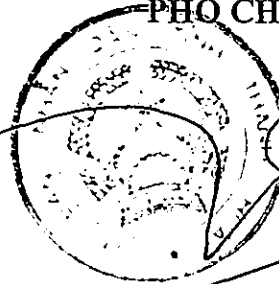
1. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ; các Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Thông tư số 38/2014/TT-BTC và Thông tư số 31/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính;

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng các thủ tục hành chính và hướng dẫn quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá đối với những hàng hóa thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết. /*ĐTC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn
Lê Thị Thìn